

KÊ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC NĂM HỌC 2020 – 2021
MÔN : CÔNG NGHỆ 6

(Ban hành theo kế hoạch số : 96/KH-THCSYĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng trường THCS Yên Đức)

Cả năm 70 tiết

Học kì I: 18 tuần 36 tiết

Học kì II: 17 tuần 34 tiết

HỌC KÌ I

STT	Tiết	Chương/Bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH; Ứng dụng CNTT	Nội dung GD tích hợp	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
1	1	Bài mở đầu	*KT: - Hiểu được khái niệm gia đình và kinh tế gia đình. - Biết được mục tiêu của chương trình công nghệ 6 - phân môn kinh tế gia đình. *NL: - Năng lực giao tiếp, tự học, hợp tác nhóm, giải quyết vấn đề. - Vận dụng một số kiến thức đã học vào các hoạt động hàng ngày để góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống. - Có thói quen lao động theo kế hoạch, tuân theo quy trình công nghệ và an toàn lao động. *PC: Có ý thức trong học tập, chăm học, chăm làm.				
	Chương 1. May mặc trong gia đình						

2	2	Bài 1: Các loại vải thường dùng trong may mặc. (Tiết 1)	*KT: - Nêu được nguồn gốc, tính chất các loại vải. - So sánh được tính chất vải sợi thiên nhiên, vải sợi hóa học, vải sợi pha. *NL: - Phân biệt được các loại vải thông thường bằng các cách đơn giản. - Năng lực sử dụng ngôn ngữ. - Năng lực hợp tác, hình thành ý tưởng,... *PC: Vận dụng kiến thức vào thực tế, chăm chỉ, trung thực.	Bộ mẫu vải	Tích hợp BĐKH: Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường.	- Mục I.1, I.2 bỏ quy trình sản xuất. - Mục I.1.a) Nguồn gốc, Mục I.2.a) Nguồn gốc: Khuyến khích học sinh tự đọc	
3	3	Bài 1: Các loại vải thường dùng trong may mặc. (Tiết 2)	*KT: - Nhận biết được một số loại vải thông qua thử nghiệm độ nhàu, độ vụn tro. - Đọc được thành phần sợi vải trên các băng vải nhỏ dính trên quần áo. *NL: - Năng lực hợp tác. - Năng lực giao tiếp. - Năng lực sử dụng thông tin và truyền thông. - Lựa chọn được các loại vải phù hợp với bản thân. *PC: Vận dụng kiến thức vào thực tế, chăm chỉ, trung thực, yêu con người.	Bộ mẫu vải	Tích hợp BĐKH: Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường, tiết kiệm các loại vải, nguyên liệu sản xuất vải,...		
4		Chủ đề 1: Lựa chọn trang phục. Bài 2: Lựa chọn trang phục	*KT: - Hiểu được khái niệm trang phục. - Phân loại trang phục. - Nắm được chức năng trang phục. - Trình bày được cách lựa chọn vải, kiểu may phù hợp với lứa tuổi, vóc dáng cơ thể.	- Mẫu một số loại trang phục. - Bảng phối hợp màu.	Tích hợp: - Bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh cá nhân, trang phục, mặc phù hợp		

	4		- Hiểu được sự đồng bộ của trang phục. *NL: - Lựa chọn các trang phục phù hợp với lứa tuổi, giới tính, thời tiết và công việc. - Năng lực giải quyết vấn đề, hình thành ý tưởng, hợp tác... - Lựa chọn được vải, kiểu may phù hợp với bản thân. - Có giải pháp chọn lựa trang phục giảm bớt khuyết điểm của bản thân. - Kết hợp trang phục hợp lí. - Hợp tác nhóm hiệu quả. *PC: chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm.		với lứa tuổi,... - Tiết kiệm nguyên liệu của trang phục.		
5	5	Chủ đề 1: Lựa chọn trang phục. Bài 3: TH: Lựa chọn trang phục.	*KT: - Xác định được đặc điểm vóc dáng bản thân, loại áo quần định may, vật dụng đi kèm phù hợp với quần áo đã chọn. *NL: - Năng lực làm việc cá nhân, làm việc nhóm. - Tự tin ra đưa ra ý kiến nhận xét trang phục của bạn. *PC: yêu con người, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.				
6	6	Bài 4: Sử dụng và bảo quản trang phục (Tiết 1).	*KT: - Biết cách sử dụng trang phục phù hợp với công việc, hoàn cảnh. - Nắm được cách phối hợp loại vải, màu sắc. *NL: - Lựa chọn được trang phục phù hợp với hoạt động, phù hợp với môi trường và công việc. - Năng lực tiêu dùng. - Phối hợp trang phục hiệu quả. *PC: chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm.	Máy chiếu	Tích hợp BDKH: Giữ gìn vệ sinh chung, tiết kiệm và bảo quản tốt trang phục cá nhân		
7	7	Bài 4: Sử dụng và bảo quản trang phục	*KT: - Nắm được quy trình giặt, phơi, là (ủi). - Phân biệt được các kí hiệu giặt, là. * NL: - Bảo quản trang phục đúng kĩ thuật để luôn giữ	Bảng kí hiệu giặt là	Tích hợp BDKH: Để rác đúng nơi quy định, trang phục ko		

		(Tiết 2). Kiểm tra 15 phút	được vẽ đẹp, độ bền và tiết kiệm chi tiêu cho may mặc. - Năng lực hợp tác, sử dụng ngôn ngữ công nghệ, năng lực giải quyết vấn đề,... *PC: chăm học, chăm làm, trách nhiệm.		mặc nữa, còn tốt nên yên góp.		
Cắt khâu một số sản phẩm							
8	8	Bài 5: TH – Ôn một số mũi khâu cơ bản.	*KT: - Chuẩn bị đúng dụng cụ, vật liệu cắt khâu. - Nêu được quy trình thực hiện mũi khâu thường, mũi khâu đột mau, mũi khâu vắt. - Nắm được quy trình thực hiện các mũi khâu cơ bản. *NL: - Thực hiện đúng thao tác kĩ thuật các mũi khâu cơ bản. - Sử dụng thành thạo dụng cụ cắt khâu. - Năng lực tiêu dùng và kinh doanh. - Ứng phó với những căng thẳng,... - Sử dụng tốt ngôn ngữ kĩ thuật. *PC: chăm chỉ, tự lực, trách nhiệm.	Bộ dụng cụ cắt, khâu, may, vải.	- Tiết kiệm nguyên vật liệu, giữ gìn dụng cụ, trách nhiệm với công việc. - Giữ gìn vệ sinh lớp học. - Định hướng nghề nghiệp tương lai.		
9	9	Bài 6: TH – Cắt khâu bao tay trẻ sơ sinh (Tiết 1)	*KT: - Trình bày được quy trình vẽ, cắt bao tay trẻ sơ sinh. *NL: - Thực hành theo đúng thao tác và quy trình kĩ thuật cụ thể. - Sử dụng dụng cụ an toàn và hiệu quả. - Hình thành ý tưởng sáng tạo. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	- Mẫu bao tay trẻ sơ sinh. - Bộ dụng cụ cắt, khâu, may, vải.	- Giữ gìn vệ sinh lớp học. - Tiết kiệm vật liệu, giữ gìn dụng cụ, trách nhiệm với công việc		
10	10	Bài 6: TH – Cắt khâu bao tay trẻ sơ sinh (Tiết 2)	*KT: - Trình bày được quy trình hoàn thiện bao tay trẻ sơ sinh. *NL: - Thực hiện tốt thao tác khâu vòng ngoài bao tay - Sử dụng công nghệ cụ thể. - Năng lực tiêu dùng và kinh doanh.	Bộ dụng cụ cắt, khâu, may, vải.	Tiết kiệm nguyên vật liệu, giữ gìn dụng cụ, trách nhiệm với công việc.		

			- Làm việc an toàn, hiệu quả. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.				
11	11	Bài 6: TH – Cắt khâu bao tay trẻ sơ sinh (Tiết 3)	*KT: - Quy trình các bước cắt khâu bao tay trẻ sơ sinh. *NL: - Hoàn thiện sản phẩm, trang trí sản phẩm theo ý tưởng của bản thân. - Tự tin làm việc độc lập. - Thao tác an toàn. - Nhận xét, đánh giá sản phẩm của bạn. *PC: chăm chỉ, tự lực, trung thực, trách nhiệm.	-Bộ dụng cụ cắt, khâu, may, vải.	- Giữ gìn vệ sinh lớp học. - Tiết kiệm nguyên vật liệu, giữ gìn dụng cụ, trách nhiệm với công việc. - Chú ý an toàn.		
12	12	Chủ đề stem TH- Cắt khâu vỏ gối hình chữ nhật. (Tiết 1)	*KT: - Trình bày được quy trình khâu 2 mảnh vỏ gối, khâu diềm vỏ gối. *NL: - Thực hành theo đúng thao tác và quy trình kĩ thuật cụ thể. - Sử dụng dụng cụ an toàn và hiệu quả. - Hình thành ý tưởng sáng tạo. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	- Mẫu vỏ gối. -Bộ dụng cụ cắt, khâu, may, vải. Bộ dụng cụ cắt, khâu, may, vải.	- Giữ gìn vệ sinh lớp học. - Tiết kiệm vật liệu, giữ gìn dụng cụ, trách nhiệm với công việc		
13	13	TH- Cắt khâu vỏ gối hình chữ nhật. (Tiết 2)	*KT: - Trình bày được quy trình hoàn thiện vỏ gối *NL: - Thực hiện tốt thao tác đính khuy, làm vỏ gối. - Sử dụng công nghệ cụ thể. - Năng lực tiêu dùng và kinh doanh. - Làm việc an toàn, hiệu quả. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	- Mẫu vỏ gối. -Bộ dụng cụ cắt, khâu, may, vải.	Tiết kiệm nguyên vật liệu, giữ gìn dụng cụ, trách nhiệm với công việc		

14	14	TH- Cắt khâu vỏ gối hình chữ nhật. (Tiết 3)	*KT: - Quy trình các bước cắt khâu vỏ gối hình chữ nhật. *NL: - Hoàn thiện sản phẩm, trang trí sản phẩm theo ý tưởng của bản thân. - Tự tin làm việc độc lập. - Thao tác an toàn. - Nhận xét, đánh giá sản phẩm của bạn. *PC: chăm chỉ, tự lực, trung thực, trách nhiệm.	- Mẫu vỏ gối. -Bộ dụng cụ cắt, khâu, may, vải.	- Giữ gìn vệ sinh lớp học. - Tiết kiệm nguyên vật liệu, giữ gìn dụng cụ, trách nhiệm với công việc. - Chú ý an toàn.		
15 16	15 16	Ôn tập chương I	*KT: - Có kiến thức về các loại vải thường dùng trong may mặc. - Nêu được cách lựa chọn trang phục phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi, công việc. - Nắm được cách phối hợp màu sắc trang phục, quy trình bảo quản trang phục. *NL: - Phân biệt chính xác một số loại vải thông thường. - Sử dụng hợp lý và bảo quản trang phục đúng kĩ thuật. - Cắt khâu được một số sản phẩm đơn giản. - Làm việc cá nhân, nhóm,... *PC: yêu thương, chăm chỉ, trách nhiệm.	- Một số mẫu vải. -Bộ dụng cụ cắt, khâu, may, vải.			
Chương II. Trang trí nhà ở							
18	18	Bài 8: Sắp xếp đồ đạc hợp lí trong nhà ở	*KT: - Hiểu được khái niệm nhà ở. - Biết được vai trò của nhà ở đối với đời sống con người.	Tranh H2.1	Giữ gìn vệ sinh nơi ở, bảo vệ môi trường.		

		(Tiết 1)	- Nêu được sự phân chia các khu vực sinh hoạt trong nơi ở của gia đình. *NL: - Nhận xét được các khu vực sinh hoạt ở gia đình mình. - Hợp tác nhóm. - Giải quyết vấn đề,... *PC: chăm học, chăm làm, trách nhiệm.				
19	19	Bài 8: Sắp xếp đồ đạc hợp lý trong nhà ở (Tiết 2).	*KT: - Trình bày được cách sắp xếp đồ đạc trong từng khu vực của ngôi nhà. - Lấy được ví dụ về sự sắp xếp, bố trí đồ đạc trong nhà ở của gia đình nông thôn, thành phố, miền núi. *NL: - Sắp xếp đồ đạc hợp lý ở gia đình, đặc biệt phòng cá nhân của mình. - So sánh được sự khác nhau về việc bố trí đồ đạc ở các gia đình thuộc địa hình khác nhau. - Làm việc cá nhân, nhóm. - Hình thành ý tưởng,... *PC: chăm chỉ, trách nhiệm, tự chủ.	Tranh H2.2 - H2.6.	Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường.	Mục II.3 (Chọn 1 trong 3 nội dung).	
20	20	Kiểm tra giữa kì I	-Kiểm tra đánh giá kiến thức, năng lực, phẩm chất của học sinh.	Đề kiểm tra, đáp án, biểu điểm.			
21	21	Bài 9: TH -Sắp xếp đồ đạc hợp lý trong gia đình.	*KT: - Nắm được cách sắp xếp đồ đạc hợp lý trong các khu vực của gia đình. *NL: - Làm việc cá nhân, nhóm. - Lựa chọn cách xếp đồ đạc hợp lý cho phòng riêng.	-Tranh H2.7: Sơ đồ phòng học, một số đồ đạc. - Giấy A4	Tích hợp BĐKH: - Không vứt rác bừa bãi,... - Giữ gìn vệ sinh trường, lớp,...		

			- Vẽ trên sơ đồ. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.				
22	22	Bài 9: TH - Sắp xếp đồ đạc hợp lý trong gia đình.	*KT: - Nắm được cách sắp xếp đồ đạc hợp lý trong các khu vực của gia đình. *NL: - Làm việc cá nhân, nhóm. - Nhận xét, góp ý kiến mô hình, sơ đồ nhóm bạn. * PC: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.	- Tranh H2.7: Sơ đồ phòng học. một số đồ đạc. - Giấy A4	Giữ gìn vệ sinh trường lớp, nơi công cộng.		
23	23	Bài 10: Giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp.	*KT: - Hiểu được khái niệm thế nào là nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp. - Biết được sự cần thiết phải giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp. - Nêu được các công việc cần làm để giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp. *NL: - Làm tốt các công việc giữ gìn vệ sinh nhà ở. - Phân chia được công việc làm thường xuyên, định kì. - Phê bình và tự phê bình. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	Giáo án điện tử, máy chiếu.	Tích hợp BDKH: - Bảo vệ môi trường nhà ở và xung quanh. - Giữ gìn vệ sinh cá nhân, để rác đúng nơi quy định. - Có nếp sống, sinh hoạt văn minh. - Tuyên truyền về ý thức bảo vệ môi trường.		
24	24	Bài 11: Trang trí nhà ở bằng một số đồ vật (Tiết1).	*KT: - Nắm được công dụng, cách chọn, cách trang trí nhà ở bằng tranh ảnh, gương. - Lấy được ví dụ về cách trang trí gương, tranh ảnh ở gia đình và địa phương. *NL: - Hình thành ý tưởng. - Lựa chọn được đồ vật trang trí tạo sự hài hòa, vui mắt, dễ chịu khi bước vào phòng. - Bày trí, sắp xếp vị trí trang trí hợp lý. - Tư duy thẩm mỹ. - Năng lực tiêu dùng,...	Máy chiếu	- Tích hợp BDKH: Đồ đạc gọn gàng, ngăn nắp,... - Tái sử dụng, tiết kiệm,...		

			*PC: tự lực, chăm chỉ, trách nhiệm.				
25	25	Bài 11: Trang trí nhà ở bằng một số đồ vật (Tiết2). Kiểm tra 15 phút	*KT: - Nêu được công dụng, cách chọn chất liệu rèm, màn trong trang trí nhà ở. - Lấy ví dụ minh họa. *NL: - Tư duy thẩm mỹ. - Hình thành ý tưởng. - Hợp tác nhóm,... *PC: chăm học, trung thực, trách nhiệm.	Máy chiếu	Tích hợp BĐKH: Giữ gìn vệ sinh cá nhân và công cộng, sử dụng tiết kiệm và giữ gìn các đồ vật trang trí.		
26	26	Chủ đề 2: Sử dụng hoa, cây cảnh trong trang trí. Bài 12: Trang trí nhà ở bằng cây cảnh và hoa	*KT: - Hiểu được ý nghĩa của cây cảnh và hoa trong trang trí nhà ở. - Biết được một số loại cây cảnh dùng trong trang trí nhà. - Kể được tên các loại hoa thường dùng trong trang trí nhà ở. - Biết được đặc điểm và nhu cầu sử dụng của hoa tươi, hoa khô, hoa giả. - Nắm được các vị trí trang trí bằng hoa trong nhà ở. *NL: - Lựa chọn được loại cây và vị trí trang trí cây cảnh trong nhà, vườn, lớp học. - Chăm sóc cây hiệu quả. - Hợp tác nhóm. - Giải quyết vấn đề. - Tư duy thẩm mỹ. *PC: yêu thiên nhiên, chăm chỉ, trách nhiệm.		- Tích hợp BĐKH: Trồng và bảo vệ cây xanh. - Bảo vệ thiên nhiên, môi trường đất, nước, không khí.		

27	27	Chủ đề 2: Sử dụng hoa, cây cảnh trong trang trí. Bài 13: Cắm hoa trang trí	*KT: - Kể tên được các dụng cụ cắm hoa. - Nêu được tên và đặc điểm của các vật liệu cắm hoa. - Trình bày nguyên tắc thứ nhất trong cắm hoa. - Nắm được nguyên tắc cơ bản trong cắm hoa. - Trình bày được quy trình cắm hoa. *NL: Lựa chọn được các loại hoa và bình cắm phù hợp với hình dáng, màu sắc. - Sử dụng những vật dụng đơn giản để làm bình cắm. - Hợp tác nhóm. - Hình thành ý tưởng. - Tính toán được sự cân đối về kích thước giữa cành hoa và bình cắm. - Cắm hoa theo đúng quy trình kỹ thuật. - Tư duy thẩm mỹ. *PC: chăm học, chăm làm, trách nhiệm.	- Bộ dụng cụ cắm hoa. - Tranh nguyên tắc cắm hoa trang trí.	- Tiết kiệm nguyên vật liệu. - Sử dụng các nguyên liệu tái chế làm bình cắm đơn giản tại nhà. - Phòng chống rác thải nhựa.		
28	28	Chủ đề 2: Sử dụng hoa, cây cảnh trong trang trí. Bài 14. TH: cắm hoa	*KT: - Hiểu được sơ đồ cắm hoa dạng tỏa tròn. - Nêu được quy trình cắm hoa dạng tỏa tròn. *NL: - Vẽ đúng sơ đồ cắm hoa dạng tỏa tròn. - Chuẩn bị nguyên liệu dụng cụ phù hợp. - Thực hiện thao tác theo đúng quy trình kỹ thuật. - Hợp tác nhóm. - Tư duy thẩm mỹ. - Năng lực tiêu dùng và kinh doanh. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	Mẫu cắm hoa dạng tỏa tròn.	- Tiết kiệm nguyên vật liệu. - Tự giác trách nhiệm trong công việc. - Giữ gìn vệ sinh lớp học.		
29	29	Chủ đề 2: Sử dụng hoa, cây cảnh trong trang trí. Bài 14. TH:cắm hoa.	*KT: - Nắm được quy trình cắm hoa dạng tỏa tròn. *NL: - Hợp tác nhóm. - Làm việc theo đúng quy trình công nghệ. - Năng lực tiêu dùng và kinh doanh. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	- Mẫu cắm hoa. - Dụng cụ, vật liệu hoa.	Tích hợp BĐKH: - Giữ gìn vệ sinh lớp trường lớp. - Để rác đúng quy định,...		

30 31 32 33 34	30 31 32 33 34	Chủ đề stem: Trang trí lớp học	*KT: - Biết cách phân tích không gian lớp học. - Nắm được công dụng, cách chọn, vị trí của các đồ vật trang trí. - Biết sắp xếp, lên ý tưởng *NL: - Lựa chọn các đồ vật trang trí lớp học. - Hợp tác nhóm. - Tư duy thẩm mỹ. - Năng lực tiêu dùng và kinh doanh. - Năng lực quan sát, đánh giá, nhận xét *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	-Một số hình ảnh lớp học đã được trang trí.	- Giữ gìn vệ sinh lớp trường lớp. - Tiết kiệm nguyên vật liệu.		
35	35	Ôn tập chương II (Tiết 1)	*KT: - Nắm được khái niệm, vai trò của nhà ở. - Nêu được công dụng, cách chọn và vị trí trang trí các đồ vật trong nhà ở. *NL: - Giữ gìn vệ sinh nhà ở - Lựa chọn được các đồ vật, trang trí lớp học, nhà ở. *PC: yêu thiên nhiên, con người; trung thực, trách nhiệm.				
36	36	Ôn tập chương II (Tiết 2)	*KT: - Nêu được công dụng, cách chọn và vị trí trang trí cây cảnh, hoa trong trang trí nhà ở. - Trình bày được nguyên tắc cơ bản trong cắm hoa. *NL: - Lựa chọn được hoa, cây cảnh phù hợp trang trí lớp học, nhà ở. - Chăm sóc tốt cây cảnh và hoa ở gia đình, vườn trường,... - Cắm được một số mẫu hoa đơn giản. *PC: yêu thiên nhiên, con người; trung thực, trách nhiệm.				

37	37	Kiểm tra học kì I	-Kiểm tra đánh giá kiến thức, năng lực của học sinh.	Đề kiểm tra, đáp án, biểu điểm.			
----	----	-------------------	--	---------------------------------	--	--	--

HỌC KÌ II

STT	Tiết	Chương/Bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH; Ứng dụng CNTT	Nội dung GD tích hợp	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
Chương III: Nấu ăn trong gia đình.							
38	38	Bài 15. Cơ sở của ăn uống hợp lí (tiết 1)	*KT: - Nắm được nguồn cung cấp, chức năng dinh dưỡng của chất đạm, đường bột, chất béo, sinh tố,... có trong thức ăn. - Biết được nhóm chất dinh dưỡng chủ yếu trong các loại thực phẩm thông thường. *NL: - Phân loại được nhóm thực phẩm giàu chất dinh dưỡng. - Lựa chọn thực phẩm phù hợp với các thành viên trong gia đình. - Đảm bảo an toàn thực phẩm. *PC: chăm học, chăm làm, trách nhiệm.		- Tích hợp BDKH: Bảo vệ môi trường. - Tiết kiệm thực phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.		
39	39	Bài 15. Cơ sở của ăn uống hợp lí.(tiết 2)	*KT: - Hiểu giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn. - Nêu được cơ sở khoa học và ý nghĩa của việc phân nhóm thức ăn. - Biết được sự cần thiết phải thay thế thức ăn lẫn nhau. *NL: - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực tự quản lí. - Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.		- Tích hợp BDKH: Bảo vệ môi trường. - Tiết kiệm thực phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.		

			- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông. - Phân chia các thức ăn trong cùng một nhóm dinh dưỡng. - Lập được kế hoạch thay đổi thức ăn trong cùng một nhóm cho gia đình. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.				
40	40	Bài 15: Cơ sở của ăn uống hợp lí. (tiết 3)	*KT: - Nêu được nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể. - Nắm được thiếu hay thừa chất đạm, chất đường bột, chất béo sẽ dẫn đến nguy cơ gì. *NL: - Năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy. - Năng lực sử dụng ngôn ngữ công nghệ, hình thành ý tưởng. - Lựa chọn được lượng dinh dưỡng cần thiết cho học sinh mỗi ngày. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	H3.13 a, b	- Tích hợp BDKH: Bảo vệ môi trường. -Tiết kiệm thực phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.		
41	41	Bài 16: Vệ sinh an toàn thực phẩm (Tiết 1).	*KT: - Hiểu được thế nào là nhiễm trùng, nhiễm độc thực phẩm. - Biết được sự ảnh hưởng của nhiệt độ đối với vi khuẩn. - Nắm được khái niệm vệ sinh an toàn thực phẩm. - Biết cách đảm bảo an toàn thực phẩm khi mua sắm. *NL: - Năng lực giải quyết vấn đề, giao tiếp, tự học, hợp tác,... - Phân biệt được thực phẩm hư hỏng, thực phẩm bị nhiễm độc bằng một số phương pháp đơn giản tại nhà.	- Máy chiếu - H3.14; H3.15, 3.16.	- Giáo dục người Việt Nam dùng hàng Việt Nam. -Tẩy chay thực phẩm bẩn, thực phẩm không rõ nguồn gốc.		

			- Giữ thực phẩm ở nhiệt độ an toàn. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.				
42	42	Bài 16: Vệ sinh an toàn thực phẩm (Tiết 2).	*KT: - Biết được các biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm khi chế biến và bảo quản. - Hiểu được nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm. - Nêu được các biện pháp phòng tránh nhiễm trùng, nhiễm độc thực phẩm. *NL: - Mua sắm, chế biến, bảo quản thực phẩm an toàn. - Thực hiện tốt các biện pháp phòng tránh nhiễm trùng, nhiễm độc thực phẩm. - Năng lực hợp tác. - Sử dụng thông tin và truyền thông: Cập nhật thời sự về vấn đề VSATTP,... *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.		Tích hợp giáo dục BDKH: Đảm bảo vệ sinh môi trường, đất, nước, không khí đặc biệt các khu vực buôn bán thực phẩm,...		
42	42	Bài 17: Bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn (Tiết 1).	*KT: - Hiểu được tại sao cần bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn. - Nêu được cách bảo quản chất dinh dưỡng khi chuẩn bị chế biến với thịt cá, rau, củ, quả, đậu, hạt tươi và khô. *NL: - Năng lực tiêu dùng và kinh doanh - Sử dụng thông tin và truyền thông hiệu quả. - Bảo quản chu đáo thực phẩm. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	H 3.17, 3.18, 3.19.			

43	43	Bài 17: Bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn (Tiết 2). Kiểm tra 15 phút	*KT: - Trình bày được cách bảo quản chất dinh dưỡng trong khi chế biến món ăn. - Nêu được ảnh hưởng của nhiệt độ đối với thành phần dinh dưỡng của thức ăn. *NL: - Năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực tự học, sử dụng công nghệ cụ thể,.. - Áp dụng được các quy trình chế biến và bảo quản thực phẩm hợp lý.				
Chế biến một số món ăn không sử dụng nhiệt							
44 45 46	44 45 46	Bài 18: Các phương pháp chế biến thực phẩm	*KT: - Hiểu được tại sao phải chế biến thực phẩm. - Kể tên được các phương pháp chế biến thực phẩm. - Nêu được quy trình thực hiện các phương pháp chế biến thực phẩm có và không sử dụng nhiệt. - Biết được việc chế biến món ăn có ảnh hưởng gì đến chất lượng món và vệ sinh an toàn thực phẩm *NL: - Năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sử dụng thông tin và truyền thông, tự học,... - Chế biến được một số món ăn đơn giản cho nhu cầu của bản thân và gia đình. - Thói quen lao động theo quy trình kỹ thuật, an toàn, hiệu quả. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	Máy chiếu hoặc tranh ảnh trình bày các món ăn.	- Giáo dục học sinh: Ý thức đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. ăn chín, uống sôi. -Tiết kiệm nguyên liệu thực phẩm. - Định hướng nghề nghiệp tương lai.		- Mục I.1.a; I.1.c; I.4.a; I.4.b: Khuyến khích học sinh tự học, tự làm. - Mục II.3 không dạy
		Bài 19: TH Trộn dầu giấm – Rau xà lách.					Khuyến khích học sinh tự học, tự làm.

47 48	47 48	Bài20: TH Trộn hỗn hợp- Nộm rau muống.	*KT: - Kể được tên các nguyên liệu dùng trong món nộm rau muống. - Nắm được quy trình thực hiện, các giai đoạn chuẩn bị, chế biến, trình bày món nộm rau muống. *NL: - Năng lực hợp tác, tự học, giải quyết vấn đề, tiêu dùng và kinh doanh, sử dụng thông tin và truyền thông. - Năng lực sử dụng ngôn ngữ kĩ thuật, sử dụng công nghệ cụ thể. - Lao động trách nhiệm, an toàn, hiệu quả. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	Rau muống, nguyên liệu, dụng cụ trộn.	- Giáo dục ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm trong việc. - Giữ gìn vệ sinh ATTP, vệ sinh lớp học, bảo vệ môi trường. - Tiết kiệm nguyên liệu.		
49 50	49 50	Bài 21: Tổ chức bữa ăn hợp lí cho gia đình.	*KT: - Hiểu được thế nào là bữa ăn hợp lí trong gia đình. - Biết được sự phân chia số bữa ăn trong ngày phù hợp. - Nắm được nguyên tắc tổ chức bữa ăn hợp lí trong gia đình. - Hiểu được nhu cầu dinh dưỡng của các thành viên trong gia đình, điều kiện tài chính của gia đình. * NL: - Năng lực tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp,... - Tổ chức các bữa ăn hợp lí cho gia đình mình. - Ăn uống hợp lí, điều độ, đảm bảo sức khỏe cho bản thân. - Thay đổi món ăn hợp lí, đảm bảo sự cân bằng chất dinh dưỡng và phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu con người.	Máy chiếu			Mục II: Tự học có hướng dẫn
51 52 53	51 52 53	Bài 22: Quy trình tổ chức bữa ăn.	*KT: - Hiểu được khái niệm thực đơn, công dụng của thực đơn. - Nắm được nguyên tắc xây dựng thực đơn. - Nêu được cách lựa chọn thực phẩm phù hợp cho thực đơn với bữa ăn thường ngày, bữa cỗ, bữa liên hoan,	Thực đơn một số bữa tiệc.	TH BĐKH Bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, bảo đảm		Mục IV: Khuyến khích học sinh tự

			chiêu đãi. - Trình bày được kỹ thuật chế biến món ăn, bày bàn và thu dọn bàn ăn. *NL: - Năng lực tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp. - Xây dựng được thực đơn hợp lý cho bữa ăn hàng ngày của gia đình. - Chế biến được một số món ăn đơn giản cho bản thân và gia đình đảm bảo vệ sinh. - Tự giác thu dọn sau khi ăn. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, yêu gia đình.		VSATTP.		học, tự làm
54 55	54 55	Bài 23: THXây dựng thực đơn.	*KT: - Nắm được cơ cấu thực đơn cho bữa ăn thường ngày hay bữa tiệc. - So sánh được loại thực đơn trên. *NL: - Hợp tác nhóm, tư duy độc lập, hình thành ý tưởng,.. - Xây dựng được các thực đơn hợp lý cho bữa tiệc hay bữa hàng này của gia đình. - Tự tin phát biểu, góp ý kiến nhóm, nhận xét nhóm bạn. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	Thực đơn một số bữa tiệc.	Giáo dục học sinh ý thức tiết kiệm thực phẩm, vệ sinh sạch sẽ.		
56	56	Kiểm tra giữa kì II	-Kiểm tra đánh giá kiến thức, năng lực của học sinh.	Đề kiểm tra, đáp án, biểu điểm.			
57 58	57 58	Bài 24: TH - Tỉa hoa trang trí món ăn từ một số loại rau, củ, quả.	*KT: - Nêu được quy trình các bước tỉa hoa từ hành tươi, từ quả ớt, quả cà chua, dưa chuột,... - Chuẩn bị đúng, đủ nguyên vật liệu, dụng cụ. * NL: Năng lực tự học, hợp tác, tiêu dùng và kinh doanh.	-Tranh: Tỉa hoa trang trí món ăn. - Bộ dụng cụ tỉa hoa.	Tích hợp BDKH: Bảo vệ thiên nhiên, môi trường, giữ gìn vệ sinh chung.		

			- Năng lực sử dụng công nghệ cụ thể. - Thực hành theo đúng quy trình kĩ thuật, đảm bảo an toàn lao động. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.				
59 60 61 62	59 60 61 62	Chủ đề Stem: Cắt tỉa, trang trí từ rau, củ, quả.	*KT: - Nắm chắc được quy trình các bước tỉa hoa từ hành tươi, từ quả ớt, quả cà chua, dưa chuột,... - Chuẩn bị đúng, đủ nguyên vật liệu, dụng cụ. * NL: Năng lực tự học, hợp tác, tiêu dùng và kinh doanh. - Năng lực sử dụng công nghệ cụ thể. - Thực hành theo đúng quy trình kĩ thuật, đảm bảo an toàn lao động. -Năng lực quan sát,nhận xét, đánh giá. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.		Tích hợp BDKH: Bảo vệ thiên nhiên, môi trường, giữ gìn vệ sinh chung.		
63	63	Ôn tập chương III	Ôn tập lại tất cả các kiến thức kĩ năng của chương III. Nấu ăn trong gia đình.				
Chương 4: Thu chi trong gia đình							
64	64	Chủ đề 3: Thu chi trong gia đình Bài 25: Thu nhập của gia đình.	*KT: - Hiểu được thu nhập của gia đình là gì. - Kể tên được các nguồn thu nhập trong gia đình bằng tiền và bằng hiện vật. - Phân biệt được thu nhập của các loại hộ gia đình ở Việt Nam. - Nêu được các biện pháp làm tăng thu nhập của gia đình. *NL: -Năng lực tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp. - Làm các công việc đơn giản như trồng rau, nuôi gà, dọn nhà,... góp phần tăng thu nhập cho gia đình hoặc góp phần giảm bớt chi tiêu.	H4.1, 4.2.			

			*PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.				
65	65	Chủ đề 3: Thu chi trong gia đình Bài 26: Chi tiêu trong gia đình.	*KT: - Hiểu được khái niệm chi tiêu trong gia đình. - Biết được gia đình thường có những khoản chi nào. - Nắm được chi tiêu của các loại hộ gia đình ở Việt Nam - Trình bày được biện pháp cân đối thu chi trong gia đình. *NL: - Hợp tác nhóm, khái quát hóa vấn đề và phát biểu, giao tiếp, tự học,... - Phân loại được khoản chi nào là cần thiết, chưa cần thiết. - Góp sức nhỏ của mình trong việc cân đối thu chi của gia đình. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.	Bảng 5 SGK	- Giáo dục ý thức: Yêu lao động, quý trọng của cải làm ra, tiết kiệm chi tiêu trong gia đình.		
66 67	66 67	Chủ đề 3: Thu chi trong gia đình Bài 27: Thực hành - Bài tập tình huống về thu chi trong gia đình.	*KT: - Xác định được các nguồn thu nhập của gia đình. - Xác định được mức chi tiêu của gia đình mình. *NL: - Tư duy độc lập, giải quyết vấn đề, giao tiếp, nhận xét, phê phán,... - Xây dựng biện pháp cân đối thu chi trong gia đình mình. *PC: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.		Tiết kiệm chi tiêu trong gia đình.		
68	68	Ôn tập chương IV	Ôn tập toàn bộ kiến thức, kỹ năng của chương IV.				
69 70	69 70	Kiểm tra cuối năm học.	-Kiểm tra đánh giá kiến thức, năng lực của học sinh.	Đề kiểm tra, đáp án, biểu điểm.			

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

Lê Thị Kim Oanh

Đông triều, ngày 25 tháng 9 năm 2020

Người xây dựng kế hoạch

Nguyễn Thị Thanh Tuyền